|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **LIÊN MINH CHÂU ÂU** | **BỘ TƯ PHÁP**  **MINISTRY OF JUSTICE** | **CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN**  **LIÊN HỢP QUỐC - UNDP** |

**TÀI LIỆU**

**TẬP HUẤN GIẢNG VIÊN NGUỒN VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG LĨNH VỰC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**(Tài liệu học viên)**

**Tháng 6-2022**

Tài liệu tập huấn này là một trong các sản phẩm của Chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE), do Liên minh Châu Âu tài trợ; UNDP và UNICEF đóng góp tài chính. Chương trình do hai cơ quan này của Liên hợp quốc phối hợp với Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện.

Mục đích xây dựng tài liệu là nhằm bổ sung kiến thức cũng như kỹ năng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

**NHÓM TÁC GIẢ**

1. Ngô Thị Hường, PGS.TS Luật học, Trưởng nhóm nghiên cứu, giảng viên cao cấp, Trường Đại học Luật Hà Nội;

2. Lê Thị Giang, TS Luật học, giảng viên Khoa Pháp luật Dân sự - Trường Đại học Luật Hà Nội;

3. Evalyn G.Ursua, Luật sư nhân quyền Philippine;

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật: Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp.

Quan điểm trong tài liệu hướng dẫn là của nhóm nghiên cứu và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Liên minh Châu Âu và Chương trình phát triển Liên hợp quốc.

**LỜI CẢM ƠN**

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) và Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam đã tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật đối với nghiên cứu này. Trân trọng cảm ơn Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp Việt Nam và đại diện các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã hỗ trợ, phối hợp trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

MỤC LỤC

[Danh mục từ viết tắt 1](#_Toc114562068)

[Những vấn đề chung về khóa tập huấn 1](#_Toc114562069)

[1. Giới thiệu tài liệu 1](#_Toc114562070)

[2. Mục đích khóa học 2](#_Toc114562071)

[3. Đối tượng khóa học 2](#_Toc114562072)

[4. Chương trình khóa học 3](#_Toc114562073)

[5. Phiếu khảo sát trước và sau tập huấn 3](#_Toc114562074)

[Mục 1: Những vấn đề chung về trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình 3](#_Toc114562075)

[1. Thực trạng các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cần được trợ giúp pháp lý 4](#_Toc114562076)

[2. Rào cản tiếp cận trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cho đối tượng được trợ giúp pháp lý 10](#_Toc114562077)

[3. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình 11](#_Toc114562078)

[3.1. Pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình 12](#_Toc114562079)

[3.2. Pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình 15](#_Toc114562080)

[Mục 2. Các cơ quan liên quan khi trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình 26](#_Toc114562081)

[1. Cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình 27](#_Toc114562082)

[2. Cơ quan đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình 28](#_Toc114562083)

[3. Tòa án 29](#_Toc114562084)

[- Thẩm quyền của Tòa án. 32](#_Toc114562085)

[Mục 3. Trợ giúp viên pháp lý và hình thức, nguyên tắc, kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình 32](#_Toc114562086)

[1. Quyền và nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý 33](#_Toc114562087)

[1.1. Quyền của Trợ giúp viên pháp lý 34](#_Toc114562088)

[- Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công 34](#_Toc114562089)

[- Được hưởng chế độ, chính sách 34](#_Toc114562090)

[1.2. Nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý 34](#_Toc114562091)

[2. Các hình thức trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình 35](#_Toc114562092)

[2.1. Tư vấn pháp luật về hôn nhân và gia đình 35](#_Toc114562093)

[2.2. Đại diện tại Tòa án 37](#_Toc114562094)

[3. Nguyên tắc trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình 38](#_Toc114562095)

[4. Các kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình… 40](#_Toc114562096)

[4.1. Kỹ năng giao tiếp 40](#_Toc114562097)

[4.2. Kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi 42](#_Toc114562098)

[4.3. Kỹ năng tư vấn pháp luật 43](#_Toc114562099)

[4.4. Kỹ năng tham gia tố tụng dân sự 45](#_Toc114562100)

# **Danh mục từ viết tắt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| BLDS | Bộ Luật dân sự |
| BLTTDS | Bộ Luật tố tụng dân sự |
| CMTND | Chứng minh thư nhân dân |
| HĐXX | Hội đồng xét xử |
| TAND | Tòa án nhân dân |
| TANDTC | Tòa án nhân dân tối cao |
| TGPL | Trợ giúp pháp lý |
| TVPL | Tư vấn pháp luật |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

## Những vấn đề chung về khóa tập huấn

### 1. Giới thiệu tài liệu

Cùng với sự vận động của các quan hệ xã hội, quan hệ hôn nhân và gia đình cũng có những biến động, phát sinh, thay đổi, chấm dứt không ngừng. Đặc điểm rất riêng của quan hệ hôn nhân và gia đình là giữa các chủ thể gắn bó với nhau bởi yếu tố tình cảm hoặc huyết thống. Đó là quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con và giữa những người thân thích khác. Mối quan hệ giữa các chủ thể này không chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật mà còn bị chi phối bởi các quy tắc đạo đức và phong tục, tập quán. Những yêu cầu, những tranh chấp về hôn nhân và gia đình xảy ra hằng ngày trong đời sống xã hội. Hơn nữa, các chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình là thành viên gia đình, là “người một nhà với nhau” nên khi giữa họ phát sinh những bất đồng, tranh chấp thì việc giải quyết là vấn đề rất tế nhị, phức tạp và kéo dài. Trong những năm gần đây, các yêu cầu, mâu thuẫn, tranh chấp về hôn nhân và gia đình có xu hướng ngày càng gia tăng cả về số lượng cũng như mức độ phức tạp. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa các thành viên gia đình, đặc biệt là trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ và người khuyết tật. Đồng thời, những mâu thuẫn, tranh chấp về hôn nhân và gia đình còn là nguy cơ phá vỡ tính bền vững của hôn nhân, ly hôn là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, giải quyết những yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình có ý nghĩa quan trọng, không chỉ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bảo vệ trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ, người khuyết tật mà còn bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ.

Để học viên có được nền tảng vững chắc về pháp luật hôn nhân và gia đình, cũng như có kỹ năng trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL) về hôn nhân và gia đình, đem lại hiệu quả cao của hoạt động TGPL, tài liệu này cung cấp kiến thức và kỹ năng tư vấn các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình, là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho người thực hiện TGPL.

Tài liệu bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Mục 1. Những vấn đề chung về trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Mục 2. Các cơ quan liên quan khi trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình.

- Mục 3. Trợ giúp viên pháp lý và hình thức, nguyên tắc, kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình.

### 2. Mục đích khóa học

- Xây dựng kĩ năng phân tích, xác định tính chất, nội dung các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

- Học viên nắm được những quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, những nguyên tắc cơ bản về TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Học viên có được kiến thức cơ bản về quyền hôn nhân và gia đình trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.

- Hoàn thiện kĩ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình theo yêu cầu của người được TGPL.

- Hiểu rõ những yêu cầu cơ bản khi thực hiện TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Hiểu rõ các hình thức TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cũng như các kỹ năng thực hiện các hình thức TGPL đó.

- Phát triển, nâng cao kỹ năng TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

### 3. Đối tượng khóa học

- Học viên có chuyên môn luật hoặc đã từng tham gia các khóa đào tạo về luật.

- Học viên có kiến thức và hiểu biết cơ bản về vấn liên quan tới quan hệ hôn nhân và gia đình.

- Học viên có khả năng truyền đạt kiến thức pháp luật, có kỹ năng tuyên truyền phổ biến pháp luật và kĩ năng TGPL.

### 4. Chương trình khóa học

- Nội dung và các tài liệu tham khảo, bài tập tình huống, câu hỏi kiểm tra kiến thức sau mỗi phần học.

- Gửi trước tài liệu tập huấn, trong đó có những tình huống về hôn nhân và gia đình điển hình.

### 5. Phiếu khảo sát trước và sau tập huấn

Sử dụng phiếu đánh giá trước tập huấn và sau tập huấn để thấy được học viên sau khi tham gia đợt tập huấn có đạt được mục tiêu khoá tập huấn hay không và những đóng góp của học viên về nội dung, chương trình, phương pháp của khoá tập huấn.

## Mục 1: Những vấn đề chung về trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

*Kế hoạch bài học chi tiết:*

Bài học sẽ được giảng viên đảm bảo 3 nội dung:

- Mở đầu (khởi động, kết nối);

- Hình thành kiến thức mới thông qua quá trình thuyết giảng, phân tích; sử dụng các phương tiện trực quan như các slide thuyết trình, video, bản đồ, sơ đồ...; đưa ra những vấn đề, câu hỏi để tăng sự tương tác giữa giảng viên và học viên, giữa học viên với nhau để học viên có kiến thức mới về hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập, thực hành trên cơ sở những tình huống thực tế của giảng viên hoặc học viên đưa ra.

*Mục tiêu học tập:*

\* Về kiến thức:

- Nắm được những loại yêu cầu hoặc tranh chấp về hôn nhân và gia đình xảy ra trong thực tế tại Việt Nam; các hình thức giải quyết yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình; sự tham gia và TGPL khi giải quyết yêu cầu, tranh về hôn nhân và gia đình.

- Nhận diện được những rào cản tiếp cận TGPL cho người nghèo, đối tượng chính sách, phụ nữ, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình, và các đối tượng yếu thế khác về hôn nhân và gia đình.

- Nắm được pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình.

\* Về kỹ năng:

- Hình thành các kỹ năng nghiên cứu, quan sát, đánh giá thực tiễn về những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, cũng như những rào cản tiếp cận trợ giúp pháp lý của đối tượng được trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Đặc biệt lưu ý đến những đặc điểm riêng về tranh chấp, yêu cầu trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thường liên quan đến những vấn đề thầm kín, khó nói và quyền riêng tư của cá nhân người được trợ giúp pháp lý.

\* Về thái độ:

- Nghiêm túc, tận tâm trong việc khái quát và đánh giá những yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình phát sinh trong thực tiễn.

- Chủ động, trung thực, thấu hiểu trong việc đánh giá những rào cản tiếp cận trợ giúp pháp lý của đối tượng được trợ giúp pháp lý.

**1. Thực trạng các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cần được trợ giúp pháp lý**

*Mục tiêu:*

- Hiểu được thế nào là TGPL;

- Hiểu được thế nào là yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình;

- Nắm được thực trạng yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình ở Việt Nam;

- Các loại yêu cầu, tranh chấp hôn nhân và gia đình chủ yếu, nguyên nhân và hậu quả của yêu cầu, tranh chấp hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL trong vụ việc TGPL theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật[[1]](#footnote-1).

|  |
| --- |
| **Điều 2. Trợ giúp pháp lý**  Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. |

*-* Các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình là những vấn đề phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình mà chủ thể mong muốn và cần được giải quyết nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Yêu cầu về hôn nhân và gia đình có 2 loại.

*Một là* những yêu cầu mà các chủ thể đưa ra liên quan đến hoạt động đăng ký hộ tịch. Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư. Như vậy, yêu cầu đăng ký hộ tịch nhằm xác định tình trạng nhân thân của cá nhân liên quan đến quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ giữa cha mẹ và con, giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em với nhau... Đối với loại yêu cầu này về cơ bản người dân nắm được nên những tình huống TGPL về nội dung liên quan đến những yêu cầu này không nhiều.

*Hai là,* những yêu cầu mà các chủ thể đưa ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong thực tế, tình huống TGPL thường gặp là loại yêu cầu thứ hai này. Đối tượng được TGPL thường gặp khó khăn hoặc lúng túng về cách giải quyết cũng như thủ tục, thẩm quyền giải quyết.

- Trong thời gian qua, những yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (các vụ, việc) xảy ra khá phổ biến, ngày càng tăng về số lượng và mức độ phức tạp của vụ, việc. Nhiều vụ, việc xử lý trong thời gian dài, gây hoang mang cho đương sự, mất đoàn kết trong nội bộ gia đình, mất thời gian, ảnh hưởng đến năng xuất lao động của đương sự.

- Các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình gồm:

* **Các yêu cầu về hôn nhân và gia đình:**

**+ Yêu cầu giải quyết tình trạng bạo lực gia đình;**

**+ Các yêu cầu về đăng ký kết hôn; nuôi con nuôi; đăng ký nhận cha, mẹ, con;**

**+** Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật;

+ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, công nhận sự thỏa thuận nuôi con, công nhận chia tài sản khi ly hôn;

+ Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình;

+ Yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn;

+ Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi;

+ Yêu cầu liên quan đến việc mang thai hộ theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình;

+ Yêu cầu công nhận thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đã được thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án;

+ Yêu cầu tuyên bố vô hiệu thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình;

+ Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

* Các tranh chấp về hôn nhân và gia đình gồm:

+ Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;

+ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn;

+ Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn;

+ Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ;

+ Tranh chấp về cấp dưỡng;

+ Tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

+ Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật.

Trong các yêu cầu, tranh chấp trên thì đối tượng được TGPL yêu cầu được trợ giúp về các vấn đề liên quan đến bạo lực gia đình, ly hôn, chia tài sản, giải quyết nuôi con và cấp dưỡng cho con chung khi ly hôn là phổ biến nhất.

- Nguyên nhân phát sinh những yêu cầu, tranh chấp: Qua thực tiễn cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến những yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Có thể thấy một số nguyên nhân chính sau:

*Thứ nhất:* Thiếu trách nhiệm với gia đình, thiếu kỹ năng sống và kinh tế khó khăn.

Hiện nay, nhiều người chưa nhận thức đúng về giá trị gia đình, ý nghĩa của hôn nhân và tình yêu. Do đó, sau khi kết hôn, dù đã có gia đình nhưng lại quá đề cao sự tự do cá nhân, thiếu sự quan tâm đến vợ hoặc chồng. Khi có con, họ không biết chăm sóc con và chăm lo cho gia đình. Nhiều cặp vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ những năm tháng đầu của cuộc hôn nhân. Bên cạnh đó, nhiều người kết hôn khi chưa có sự chuẩn bị về tâm lý, chưa hiểu biết về những điều cần thiết cho cuộc sống hôn nhân hoặc khi tuổi đời còn quá trẻ. Khi chung sống, họ không biết cách cư xử với vợ, chồng và các thành viên khác trong gia đình, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng. Khi đó họ không đủ bản lĩnh và kỹ năng giải quyết, càng làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Khi vợ chồng có mâu thuẫn thì khó có thể cùng nhau bàn bạc, đồng thuận trong việc phát triển kinh tế gia đình. Nhiều cặp vợ chồng nghề nghiệp không ổn định, thu nhập bấp bênh nhưng lại có con sớm hoặc sinh nhiều con khiến đời sống khó khăn, thiếu thốn, dẫn đến chán nản, nghiện ngập (ma túy, cờ bạc, rượu chè), ngoại tình… Đó là những nguy cơ dẫn đến bạo lực gia đình. Thực tế cho thấy nhiều vụ vợ, chồng yêu cầu ly hôn là do nguyên nhân bạo lực gia đình.

*Thứ hai:* Do định kiến giới.

Hiện nay, định kiến giới còn tồn tại trong tư tưởng của nhiều người. Điều này dẫn đến sự phân biệt đối xử, gây ra bất bình đẳng giới. Nhiều gia đình khi không có con trai thì người chồng ngoại tình hoặc ly hôn để lấy vợ mới với mục đích có con trai. Bạo lực gia đình mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ cũng xuất phát từ định kiến giới. Trong nhiều trường hợp người vợ không thể chịu đựng và muốn ly hôn. Tuy nhiên, người chồng đe dọa nên không dám làm đơn xin ly hôn.

*Thứ ba:* Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng chưa được sâu, rộng và thường xuyên. Việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống trong gia đình và nhà trường cũng chưa thực sự được quan tâm. Vì vậy, thế hệ trẻ thiếu hiểu biết pháp luật, thiếu kỹ năng sống cũng như thiếu trách nhiệm với bản thân và gia đình.

*Thứ tư:* Chưa phát huy được vai trò của các tổ hòa giải ở cơ sở và các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội trong việc hòa giải mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư và trong việc xây dựng gia đình văn hóa.

### 2. Rào cản tiếp cận trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cho đối tượng được trợ giúp pháp lý

*Mục tiêu:*

Nhận biết được những rào cản mà những người nghèo và đối tượng chính sách đang phải đối mặt trong việc tiếp cận TGPL về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Nhận thức của người dân về hoạt động TGPL còn hạn chế, do đó, nhiều người thuộc đối tượng được TGPL chưa biết về hoạt động TGPL cũng như quyền của mình để yêu cầu TGPL khi phát sinh những vấn đề về hôn nhân và gia đình. Mặc dù hoạt động truyền thông về TGPL trong những năm qua đã được coi trọng nhằm tăng thêm sự hiểu biết, tiếp cận của người dân trong hoạt động này (như cấp phát tờ gấp, tài liệu về TGPL; bảng tin về TGPL; niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức của người khuyết tật, các cơ sở bảo trợ xã hội; tổ chức truyền thông TGPL ở cơ sở...) nhưng vẫn cần được tăng cường hơn nữa.

- Các đối tượng được TGPL chưa chủ động tiếp cận hoạt động TGPL. Phần lớn đối tượng được TGPL còn tự ti, e ngại trong việc tiếp cận TGPL. Điều này dẫn đến thực trạng là số vụ, việc hôn nhân và gia đình đã giải quyết có sự tham gia của TGPL vẫn còn hạn chế.

- Đội ngũ trợ giúp viên pháp lý chưa nhiều, đặc biệt là các tỉnh miền núi, tỷ lệ người nghèo, người dân tộc thiểu số cao, điều kiện đi lại khó khăn. Luật sư là lực lượng có khả năng tham gia hoạt động TGPL nhưng lại tập trung ở các thành phố lớn. Đây là một trong những rào cản, khó khăn trong việc tiếp cận TGPL của nhóm người nghèo, đối tượng chính sách,người khuyết tật, phụ nữ, người cao tuổi và các đối tượng thuộc nhóm yếu thế khác trong việc giải quyết những yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình tại Tòa án.

- Nguồn lực cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho công tác giáo dục, , phổ biến pháp luật.

- Thiếu sự phối hợp giữa Trung tâm TGPL Nhà nước với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giới thiệu hoặc đề nghị cử người tham gia các vụ việc TGPL trong tố tụng cho người được TGPL một cách nhanh chóng, kịp thời.

### 3. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình

*Kế hoạch bài học chi tiết*

Bài học sẽ được giảng viên bảo đảm 3 nội dung:

- Mở đầu (khởi động, kết nối);

- Hình thành kiến thức mới thông qua quá trình thuyết giảng, phân tích; sử dụng các phương tiện trực quan như các slide thuyết trình, video, bản đồ, sơ đồ….; đưa ra những vấn đề, câu hỏi để tăng sự tương tác giữa giảng viên và học viên… để có kiến thức mới;

- Luyện tập, thực hành trên cơ sở những tình huống thực tế của giảng viên hoặc học viên đưa ra.

*Mục tiêu học tập:*

- Nắm được những quy định của pháp luật quốc tế liên quan đến quyền hôn nhân và gia đình.

- Hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình, đặc biệt là các quy định về trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với hôn nhân và gia đình.

#### 3.1. Pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

- Cung cấp các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng cho các quyền liên quan đến hôn nhân và gia đình thông qua các công ước quốc tế;

- Trả lời câu hỏi của giảng viên về vấn đề được giao phân tích;

- Các học viên cùng giảng viên trao đổi, thảo luận về các quy định do các nhóm trình bày.

*Nội dung:*

Các chuẩn mực quốc tế về hôn nhân và gia đình gồm: Quyền hôn nhân và gia đình, kết hôn, quan hệ vợ chồng, quyền hôn nhân và gia đình của trẻ em và của người khuyết tật.

- Về quyền hôn nhân và gia đình:

+ Đến tuổi thành hôn, nam, nữ có quyền kết hôn và lập gia đình mà không bị ngăn cấm vì lý do chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có quyền bình đẳng khi kết hôn, trong thời gian hôn thú cũng như khi ly hôn. Quyền kết hôn và lập gia đình của nam và nữ đến tuổi kết hôn phải được thừa nhận[[2]](#footnote-2).

+ Gia đình là một tế bào cơ bản và tự nhiên của xã hội, cần phải được nhà nước và xã hội bảo hộ[[3]](#footnote-3).

- Về kết hôn:

+ Sự tự nguyện kết hôn: Hôn nhân chỉ có giá trị nếu có sự thuận tình hoàn toàn tự do của những người kết hôn. Mọi cuộc hôn nhân sẽ được coi là trái pháp luật nếu không có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cả hai bên khi kết hôn. Không được tổ chức việc kết hôn nếu không có sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai [[4]](#footnote-4).

+ Tuổi kết hôn: Các quốc gia cần quy định tuổi kết hôn tối thiểu. Mọi cuộc hôn nhân của bất kỳ cá nhân nào được tiến hành dưới độ tuổi này sẽ bị coi là trái pháp luật, trừ trường hợp cơ quan chức năng có thẩm quyền cho miễn về tuổi tác vì những lý do nghiêm trọng, phù hợp với lợi ích của những cặp kết hôn[[5]](#footnote-5).

+ Đăng ký kết hôn: Tất cả các cuộc hôn nhân phải được đăng ký trong hồ sơ đăng ký chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền[[6]](#footnote-6).

- Về quan hệ vợ chồng:

Các quốc gia phải tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm sự bình đẳng về quyền và trách nhiệm của vợ và chồng trong suốt thời gian chung sống và khi ly hôn. Trong trường hợp ly hôn, phải có quy định bảo đảm sự bảo hộ cần thiết với con cái[[7]](#footnote-7).

- Về quyền hôn nhân và gia đình của trẻ em:

+ Mọi trẻ em, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản hoặc dòng dõi đều có quyền được hưởng những biện pháp bảo hộ của gia đình, xã hội và nhà nước cần thiết cho người chưa thành niên. Mọi trẻ em đều phải được đăng ký khai sinh ngay sau khi ra đời và phải có tên gọi. Mọi trẻ em đều có quyền có quốc tịch[[8]](#footnote-8);

+ Trẻ em không bị tách khỏi cha, mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp do các cơ quan có thẩm quyền quyết định với sự thẩm định của tòa án rằng như vậy là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định này có thể là cần thiết trong những trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay bỏ mặc, hoặc khi cha mẹ sống ly thân và cần có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em. Trong trường hợp trẻ em phải sống cách ly khỏi cha, mẹ thì phải được duy trì những quan hệ riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ khi việc này trái với lợi ích tốt nhất của đứa trẻ[[9]](#footnote-9).

- Về quyền hôn nhân và gia đình của người khuyết tật[[10]](#footnote-10):

+ Xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình, cha mẹ, họ hàng, trên cơ sở bình đẳng với những người khác;

+ Công nhận quyền của mọi người khuyết tật ở độ tuổi kết hôn được kết hôn và xây dựng gia đình trên cơ sở đồng ý tự nguyện và hoàn toàn của người dự định trở thành vợ hoặc chồng người đó;

+ Công nhận quyền của người khuyết tật được toàn quyền quyết định một cách có trách nhiệm về số con, chỗ dành cho con và được tiếp cận thông tin cũng như giáo dục về sinh sản và kế hoạch hóa gia đình thích hợp với lứa tuổi, cung cấp cho họ những phương tiện cần thiết để thực hiện những quyền này;

+ Người khuyết tật có trách nhiệm đối với việc trông giữ, bảo trợ, ủy thác, nhận nuôi trẻ em hoặc các quan hệ tương tự, trong mọi trường hợp lợi ích tốt nhất cho trẻ phải được đặt lên hàng đầu. Các quốc gia cung cấp cho người khuyết tật sự hỗ trợ thích hợp để họ thực hiện trách nhiệm chăm sóc trẻ em;

+ Trẻ em khuyết tật có quyền được tôn trọng cuộc sống gia đình một cách bình đẳng. Để ngăn chặn sự giấu diếm, bỏ rơi, vô trách nhiệm, cách ly trẻ em khuyết tật, các quốc gia thành viên cam kết cung cấp thông tin, dịch vụ và sự hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho trẻ em khuyết tật và gia đình họ.

+ Khi gia đình ruột thịt của trẻ khuyết tật không thể chăm sóc trẻ, quốc gia thành viên tiến hành mọi nỗ lực để cung cấp sự chăm sóc thay thế trong gia đình lớn hơn của trẻ, nếu không được, thì chăm sóc tại cộng đồng ở một nơi bố trí như gia đình.

#### 3.2. Pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

- Cung cấp cho học viên các quy định của pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

- Học viên hiểu được các quy định đó và vận dụng được vào thực tế để bảo vệ các quyền hôn nhân và gia đình, hiểu và vận dụng được các quy định về quyền hôn nhân và gia đình của phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; đặc biệt là để học viên hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật để bảo vệ các chủ thể trước các hành vi bạo lực gia đình.

- Sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

*3.2.1. Bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình*

Để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình, pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản. Hôn nhân phải được xây dựng trên nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng… hôn nhân của họ được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Người nước ngoài tại Việt Nam cũng được đối xử bình đẳng với công dân Việt Nam trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, không phân biệt đối xử giữa các con. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình được kế thừa và phát huy[[11]](#footnote-11).

|  |
| --- |
| **Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**  Điều 2. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình  1. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.  2. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.  3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.  4. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.  5. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình. |

Các nguyên tắc trên đây thể hiện quan điểm của Nhà nước ta về việc điều chỉnh và bảo hộ quan hệ hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của các bên được tôn trọng, bảo vệ trong quá trình giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình và bảo hộ quyền hôn nhân và gia đình của cá nhân, pháp luật cấm thực hiện một số hành vi[[12]](#footnote-12).

|  |
| --- |
| Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014  2. Cấm các hành vi sau đây:  a) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;  b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;  c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;  d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;  đ) Yêu sách của cải trong kết hôn;  e) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;  g) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;  h) Bạo lực gia đình;  i) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi. |

*3.2.2. Trách nhiệm* *của Nhà nước và xã hội đối với hôn nhân và gia đình*

- Nhà nước có chính sách, biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và thực hiện đầy đủ chức năng của mình; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình; vận động nhân dân xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình, phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc.

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình. Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo sự phân công của Chính phủ. Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan khác thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giáo dục, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các thành viên của mình và mọi công dân xây dựng gia đình văn hóa; kịp thời hòa giải mâu thuẫn trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên gia đình. Nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình cho thế hệ trẻ[[13]](#footnote-13).

*3.2.3. Các chế định pháp luật hôn nhân và gia đình*

- Kết hôn: Nam, nữ kết hôn phải đủ tuổi kết hôn, phải hoàn toàn tự nguyện, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không thuộc trường hợp cấm kết hôn. Nam nữ kết hôn vi phạm một trong các điều kiện kết hôn thì việc kết hôn là trái pháp luật, Tòa án có thể hủy việc kết hôn khi có yêu cầu. Việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền[[14]](#footnote-14). Nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được công nhận là vợ chồng trước pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng: Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được chia làm 2 nhóm: Quyền và nghĩa vụ nhân thân và đại diện; Quyền và nghĩa vụ tài sản.

+ Quyền và nghĩa vụ nhân thân và đại diện: Vợ chồng bình đẳng với nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân; vợ chồng tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; vợ chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp, học tập và tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; vợ chồng thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có lý do chính đáng; vợ, chồng đại diện cho nhau theo pháp luật hoặc theo ủy quyền[[15]](#footnote-15).

+ Quyền và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng có tài sản chung và tài sản riêng.

*Tài sản chung* của vợ chồng là những thu nhập hợp pháp của mỗi bên trong thời kỳ hôn nhân. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận.

*Tài sản riêng* là tài sản mỗi bên có trước khi kết hôn hoặc được tặng cho, được thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân. Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung. Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ.

+ Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường việc chia tài sản bị vô hiệu; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết; phần tài sản được chia, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác; phần tài sản còn lại không chia vẫn là tài sản chung của vợ chồng.

- Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con:

+ Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con: Pháp luật quy định cha mẹ yêu thương, tôn trọng con, các con kính trọng, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ và con có nghĩa vụ nuôi dưỡng lẫn nhau. Cha mẹ phải tôn trọng quyền có tài sản riêng của con. Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra. Cha dượng, mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng mà sống chung với nhau thì có quyền và nghĩa vụ với nhau như giữa cha mẹ đẻ và con đẻ[[16]](#footnote-16).

+ Xác định cha, mẹ, con: Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, trừ trường hợp con do người vợ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng.

+ Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Khi người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì có thể nhờ người phụ nữ khác là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng tự nguyện giúp mang thai (gọi là người mang thai hộ), bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ mang thai để người này mang thai và sinh con. Cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ phải đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện mang thai hộ. Bên mang thai hộ có quyền và nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ, phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phát sinh các quyền và nghĩa vụ đối với con kể từ thời điểm con được sinh ra và không được từ chối nhận con.

+ Nuôi con nuôi: Việc nuôi con nuôi làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ nuôi và con nuôi khi người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi có đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010[[17]](#footnote-17), việc nuôi con nuôi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Ly hôn:

+ Quyền yêu cầu: Vợ, chồng. Cha, mẹ, người thân thích khác của một bên vợ, chồng cũng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Chồng bị hạn chế quyền yêu cầu ly hôn khi vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng.

+ Căn cứ: Tòa án chỉ giải quyết cho vợ chồng ly hôn khi có căn cứ ly hôn. Trường hợp thuận tình ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn. Trường hợp vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.

+ Giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật. Về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con do vợ chồng thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

+ Chia tài sản: Giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn tuân theo nguyên tắc được quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, thì việc chia tài sản theo quy định tại Điều 61, việc chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được thực hiện theo khoản 2 Điều 62.

+ Quyền lưu cư: Nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng của người đó; trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Chấm dứt hôn nhân khi vợ hoặc chồng chết hoặc bị tuyên bố là đã chết: Hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết hoặc thời điểm được xác định theo ngày chết được ghi trong bản án, quyết định tuyên bố một người là dã chết của Tòa án. Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trong trường hợp việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống, gia đình thì vợ, chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản theo quy định của Bộ luật dân sự. Khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố một người là đã chết mà vợ hoặc chồng của người đó chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được khôi phục kể từ thời điểm kết hôn nhưng quan hệ tài sản được khôi phục kể từ thời điểm quyết định của Tòa án hủy bỏ tuyên bố chồng, vợ là đã chết có hiệu lực.

- Cấp dưỡng giữa các thành viên gia đình: Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này. Nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh khi các thành viên gia đình không sống chung với nhau mà người được cấp dưỡng là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

+ Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình;

+ Người được cấp dưỡng được nhận làm con nuôi;

+ Người cấp dưỡng đã trực tiếp nuôi dưỡng người được cấp dưỡng;

+ Người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết;

+ Bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn;

+ Trường hợp khác theo quy định của luật.

- Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình: Các thành viên gia đình có quyền và nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau. Trong trường hợp sống chung thì các thành viên gia đình có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động tạo thu nhập, đóng góp công sức, tiền hoặc tài sản khác để duy trì đời sống chung của gia đình phù hợp với khả năng thực tế của mình. Các thành viên khác của gia đình có quyền và nghĩa vụ với nhau bao gồm:

+ Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu. Trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có anh, chị, em nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại. Trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

+ Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

+ Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Khi cháu cần được nuôi dưỡng mà không còn cha, mẹ, anh, chị, em, ông, bà thì cô, dì, chú, cậu, bác ruột có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng. Khi cô, dì, chú, cậu, bác ruột cần được nuôi dưỡng mà không có con, anh, chị, em để nuôi dưỡng thì cháu có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng.

- Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài:

+ Áp dụng pháp luật: Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của Việt Nam được áp dụng, trừ trường hợp Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định khác. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. Trong trường hợp Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam có dẫn chiếu về việc áp dụng pháp luật nước ngoài thì pháp luật nước ngoài được áp dụng, nếu việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 2 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có dẫn chiếu về việc áp dụng pháp luật nước ngoài thì pháp luật nước ngoài được áp dụng.

+ Thẩm quyền đăng ký hộ tịch là Ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ 02 trường hợp sau: (1) Đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam cư trú ở vùng biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở vùng biên giới với Việt Nam thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã; (2) Đăng ký việc nuôi con nuôi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Thẩm quyền giải quyết các yêu cầu, tranh chấp là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

## Mục 2. Các cơ quan liên quan khi trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

*Kế hoạch bài học chi tiết*

Bài học sẽ được giảng viên đảm bảo 3 nội dung:

- Mở đầu (khởi động, kết nối);

- Hình thành kiến thức mới thông qua quá trình thuyết giảng, phân tích; sử dụng các phương tiện trực quan như các slide thuyết trình, đưa ra những vấn đề, câu hỏi để tăng sự tương tác giữa giảng viên và học viên, giữa học viên với nhau để học viên có kiến thức mới về hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập, thực hành trên cơ sở những tình huống thực tế của giảng viên hoặc học viên đưa ra.

*Mục tiêu học tập:*

\* Về kiến thức:

- Nắm được cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng loại yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

- Hiểu được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan trong việc giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

- Nắm được sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan trong việc giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

\* Về kỹ năng:

- Hình thành các kỹ năng ghi nhớ cơ quan có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Vận dụng các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết các yêu cầu, tranh chấp hôn nhân và gia đình vào quá trình trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình.

\* Về thái độ:

Tự tin trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng loại yêu cầu, tranh chấp khi thực hiện trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

### 1. Cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

Cung cấp kiến thức về các cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình từ Trung ương đến địa phương.

*Nội dung:*

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình[[18]](#footnote-18):

+ Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình.

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo sự phân công của Chính phủ.

+ Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan khác thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình[[19]](#footnote-19):

Cơ quan quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương. Bao gồm:

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình trong phạm vi toàn quốc.

+ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình.

+ Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương

### 2. Cơ quan đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

Hiểu được cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc giải quyết các yêu cầu liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Cơ quan đăng ký hộ tịch gồm: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

- Nội dung đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình gồm:

+ Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi, đăng ký giám hộ, đăng ký nhận cha (mẹ, con), đăng ký khai tử;

+ Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm: Thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; công nhận giám hộ; tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh, kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, giám hộ, nhận cha (mẹ, con), xác định cha (mẹ, con), nuôi con nuôi, thay đổi hộ tịch, khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

- Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với nhau cư trú ở trong nước. Việc đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam cư trú ở vùng biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở vùng biên giới với Việt Nam cũng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ đăng ký việc nuôi con nuôi;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

- Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài đăng ký hộ tịch liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

### 3. Tòa án

*Mục tiêu:*

Hiểu được cơ cấu, tổ chức, thành lập và chức năng, nhiệm vụ của Tòa án các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

- Theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Hôn nhân và gia đình và Bộ luật tố tụng dân sự thì các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trừ các yêu cầu liên quan đến đăng ký hộ tịch. Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về tố tụng dân sự.

- Thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo vụ việc: Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp và các yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015[[20]](#footnote-20).

|  |
| --- |
| Bộ luật tố tụng dân sự 2015  Điều 28. Những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án  1. Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.  2. Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.  3. Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.  4. Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ.  5. Tranh chấp về cấp dưỡng.  6. Tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.  7. Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật.  8. Các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.  Điều 29. Những yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án  1. Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.  2. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.  3. Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc công nhận việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.  4. Yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn.  5. Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.  6. Yêu cầu liên quan đến việc mang thai hộ theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.  7. Yêu cầu công nhận thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đã được thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án.  8. Yêu cầu tuyên bố vô hiệu thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.  9. Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài hoặc cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài hoặc cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.  10. Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.  11. Các yêu cầu khác về hôn nhân và gia đình, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. |

- Thẩm quyền của tòa án theo cấp xét xử:

+ Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ, việc sau: (1) Những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; (2) Các yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; (3) Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam.

+ Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp và các yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trừ những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tòa án nhân dân cấp huyện.

### - Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ hoặc theo sự lựa chọn của đương sự: Việc phân định thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ hoặc theo sự lựa chọn của đương sự phải dựa trên cơ sở bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, nhanh chóng, thuận lợi. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo lãnh thổ được quy định tại Điều 39 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình do thuộc thẩm quyển giải quyết của Tòa dân sự[[21]](#footnote-21).

## Mục 3. Trợ giúp viên pháp lý và hình thức, nguyên tắc, kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

*Kế hoạch bài học chi tiết*

Bài học sẽ được giảng viên đảm bảo 3 nội dung:

- Mở đầu (khởi động, kết nối);

- Hình thành kiến thức mới thông qua quá trình thuyết giảng, phân tích; sử dụng các phương tiện trực quan như các slide thuyết trình, video, bản đồ, sơ đồ….; đưa ra những vấn đề, câu hỏi để tăng sự tương tác giữa giảng viên và học viên, giữa học viên với nhau để học viên có kiến thức về hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập, thực hành trên cơ sở những tình huống thực tế của giảng viên hoặc học viên đưa ra.

*Mục tiêu học tập:*

\* Về kiến thức:

- Nắm được những quy định của pháp luật về Trợ giúp viên pháp lý và hình thức, nguyên tắc, kỹ năng TGPL về hôn nhân và gia đình;

- Hiểu được những quy định của pháp luật về Trợ giúp viên pháp lý và hình thức, nguyên tắc, kỹ năng TGPL về hôn nhân và gia đình;

\* Về kỹ năng:

- Vận dụng được các quy định của pháp luật Việt Nam về Trợ giúp viên pháp lý.

- Học viên vận dụng được các nguyên tắc, kỹ năng trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Học viên có khả năng vận dụng sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành hiệu quả trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

\* Về thái độ:

- Học viên nghiêm túc tuân thủ các nguyên tắc, kỹ năng khi thực hiện trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình để bảo vệ lợi ích của đối tượng được trợ giúp pháp lý một cách tốt nhất có thể.

- Học viên lắng nghe, thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ với đối tượng được trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

### 1. Quyền và nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý

*Mục tiêu:*

- Nắm được quyền và nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý khi tham gia TGPL cho các đối tượng về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

- Thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi TGPL trong các vụ, việc về hôn nhân và gia đình.

#### 1.1. Quyền của Trợ giúp viên pháp lý

*Mục tiêu:*

Nắm được các quy định pháp luật về quyền của Trợ giúp viên pháp lý.

*Nội dung:*

Quyền của Trợ giúp viên pháp lý được quy định tại Điều 18 Luật TGPL năm 2017 và Điều 11 Nghị định 144/2017/NĐ – CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL, gồm:

- Thực hiện TGPL; được bảo đảm thực hiện TGPL độc lập, không bị đe dọa, cản trở, sách nhiễu hoặc can thiệp trái pháp luật;

- Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện TGPL trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 37 của Luật TGPL năm 2017 và theo quy định của pháp luật về tố tụng;

- Được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ TGPL;

## - Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công;

## - Được hưởng chế độ, chính sách sau: Có các chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định; được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp vượt khung (nếu có); được cấp trang phục riêng theo tiêu chuẩn, niên hạn.

#### 1.2. Nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý

*Mục tiêu:*

Nắm được các quy định pháp luật về nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý.

*Nội dung:*

Nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý được quy định tại Điều 18 Luật TGPL năm 2017, gồm:

- Thực hiện TGPL;

- Bảo đảm chất lượng vụ việc TGPL;

- Tuân thủ nguyên tắc hoạt động TGPL;

- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nơi thực hiện TGPL;

- Bồi thường hoặc hoàn trả một khoản tiền cho tổ chức thực hiện TGPL đã trả cho người bị thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công.

### 2. Các hình thức trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

#### 2.1. Tư vấn pháp luật về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

- Nắm được các quy định pháp luật về tư vấn pháp luật cho đối tượng được TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Tiếp thu và vận dụng được các kỹ năng tư vấn pháp luật về hôn nhân và gia đình, đặc biệt chú ý đến tính đặc thù của quan hệ hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Hình thức tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là một loại dịch vụ pháp lý. Tư vấn pháp luật là người thực hiện TGPL hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình, giúp các bên hòa giải, thương lượng để đi đến thống nhất hướng giải quyết vụ, việc.

- Khi thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL cần bám sát yêu cầu TGPL, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động TGPL và sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích của người được TGPL.

- Đối với các vụ, việc thông thường thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện TGPL có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được TGPL. Đối với trường hợp đối tượng được TGPL đưa ra các yêu cầu trợ giúp là việc giải đáp pháp luật hoặc những vướng mắc họ gặp phải đơn giản thì Trợ giúp viên pháp lý có thể giải đáp, hướng dẫn, cung cấp thông tin ngay cho họ. Đối với vụ việc phức tạp hoặc cần có thời gian để xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được TGPL[[22]](#footnote-22).

|  |
| --- |
| Khoản 2, Điều 32 Luật TGPL:  2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý; đối với vụ việc phức tạp hoặc cần có thời gian để xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được trợ giúp pháp lý.  Trường hợp yêu cầu trợ giúp pháp lý là vướng mắc pháp luật đơn giản thì người tiếp nhận hướng dẫn, giải đáp, cung cấp thông tin pháp luật ngay cho người được trợ giúp pháp lý. |

- Đối với các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì hình thức tư vấn pháp luật thực sự phù hợp và mang lại hiệu quả cao. Do đặc điểm của quan hệ hôn nhân và gia đình là mang tính riêng tư nên phần lớn các trường hợp, đối tượng được TGPL khi gặp những vấn đề về hôn nhân và gia đình khó giải quyết mà họ đến với TGPL thì lựa chọn hình thức tư vấn pháp luật. Hình thức tư vấn pháp luật giúp đối tượng được TGPL hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của mình, hiểu biết các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để tự mình lựa chọn cách thức giải quyết, ứng xử phù hợp. Hình thức này cũng giúp giảm các yêu cầu, tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình phải giải quyết tại Tòa án.

- Hòa giải là một phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình rất hiệu quả. Vì vậy, khi tư vấn pháp luật, Trợ giúp viên pháp lý có thể tiến hành hòa giải.

- Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói. Tùy thuộc vào mỗi vụ, việc cụ thể, người thực hiện TGPL áp dụng các biện pháp thích hợp giúp cho đối tượng được TGPL hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện những thỏa thuận đó. Do tính chất của quan hệ hôn nhân và gia đình mà người thực hiện TGPL một mặt phải dựa trên cơ sở quy định của pháp luật, mặt khác phải dựa trên đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình, cũng như việc giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam.

- Tùy thuộc vào đối tượng, tính chất vụ, việc, điều kiện, hoàn cảnh và quan hệ gia đình, xã hội của các bên tranh chấp mà người thực hiện TGPL áp dụng biện pháp, cách thức hòa giải phù hợp để giải thích, động viên các bên, hướng các đạt được thỏa thuận, giữ gìn hòa khí gia đình.

Tuy nhiên, khi thực hiện hòa giả cần lưu ý: Không tiến hành hòa giải đối với các trường hợp có các hành vi bị cấm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### 2.2. Đại diện tại Tòa án

*Mục tiêu:*

- Nắm được các quy định của pháp luật về đại diện tại Toà án khi tham gia tố tụng dân sự về yêu cầu, tranh chấp hôn nhân và gia đình.

- Tiếp thu và vận dụng được các kỹ năng đại diện tại Tòa án khi tham gia tố tụng dân sự về yêu cầu, tranh chấp hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có thể thực hiện TGPL cho đối tượng được TGPL với tư cách là người đại diện của họ trong các vụ, việc về hôn nhân và gia đình mà Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định về TGPL và quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Trong trường hợp người được TGPL yêu cầu cử người thực hiện TGPL tham gia tố tụng dân sự, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc, tổ chức thực hiện TGPL có trách nhiệm cử người thực hiện TGPL.Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư phải xuất trình thẻ Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẻ luật sư và Quyết định cử tham gia tố tụng với người được TGPL và cơ quan tố tụng dân sự.

### 3. Nguyên tắc trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

Nắm được các nguyên tắc về nhiệm vụ, trách nhiệm (quyền và nghĩa vụ) của tổ chức thực hiện TGPL khi thực hiện TGPL trong các vụ án hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Khi thực hiện TGPL trong bất kỳ lĩnh vực nào đều phải tuân thủ các nguyên tắc của hoạt động TGPL được quy định tại Điều 3 Luật TGPL năm 2017. Đó là: (1) Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp TGPL; (2) Kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; (3) Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL; (4) Không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL.

- Bên cạnh đó, thực hiện TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình còn có những nguyên tắc mang tính đặc thù sau:

+ Cách tiếp cận lấy quyền con người làm trung tâm: Cách tiếp cận này dựa trên quyền con người. Trong bất kỳ hoạt động nào liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình trước hết phải xuất phát từ con người, từ lợi ích của con người và từ quan điểm bảo đảm quyền con người.

+ Bình đẳng và không phân biệt đối xử: Nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình được hiểu là vợ và chồng, con trai và con gái, con đẻ và con nuôi có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận các cơ hội về học tập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, quyết định các vấn đề liên quan đến bản thân và gia đình. Nguyên tắc không phân biệt đối xử là xuất phát từ nguyên tắc bình đẳng trong đối xử, cơ hội và thụ hưởng.

*+* Có sự nhạy cảm giới: Nhạy cảm giới là [nhận thức](https://lytuong.net/nhan-thuc-la-gi/) được các nhu cầu, vai trò, trách nhiệm mang tính xã hội của phụ nữ và nam giới xuất phát từ những đặc điểm sinh học vốn có của họ. Trong hoạt động TGPL, người thực hiện TGPL phải hiểu được sự khác biệt về sinh học dẫn đến sự khác biệt về khả năng tiếp cận, mức độ tham gia, thụ hưởng trong quá trình phát triển của nam và nữ. Từ đó, giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp và hướng dẫn đối tượng được TGPL bảo vệ quyền lợi của họ và của gia đình một cách có lý, có tình và hữu hiệu nhất.

+ Tôn trọng sự thật: Để hoạt động TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình đạt hiệu quả, bảo vệ sự đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên gia đình, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL thì người thực hiện TGPL phải kịp thời nắm bắt được những tình tiết của vụ việc, phải trung thực, tôn trọng sự thật khách quan của vụ, việc.

+ Bảo đảm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình: Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là quyền nhân thân bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân đã được pháp luật công nhận. Có thể thấy hầu hết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình đều có liên quan đến bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Do vậy, người thực hiện TGPL phải luôn tôn trọng quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đối tượng được TGPL cũng như của những người có liên quan.

### 4. Các kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

*Mục tiêu:*

- Hình thành kỹ năng TGPL cho đối tượng được TGPL về những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập các kỹ năng TGPL trong những tình huống cụ thể;

- Nâng cao kỹ năng TGPL để đảm bảo hiệu quả khi giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

#### 4.1. Kỹ năng giao tiếp

*Mục tiêu:*

- Hình thành kỹ năng giao tiếp với đối tượng được TGPL về những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập các kỹ năng giao tiếp trong những tình huống cụ thể;

- Nâng cao kỹ năng giao tiếp để đảm bảo hiệu quả khi TGPL về các yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

Giao tiếp với đối tượng được TGPL là một kỹ năng quan trọng của người thực hiện TGPL để xác định được những vấn đề cần giải quyết theo yêu cầu của đối tượng được TGPL. Đối với TGPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thì kỹ năng này càng có vai trò quan trọng trong việc quyết định hiệu quả của hoạt động TGPL. Khi giao tiếp người thực hiện TGPL phải chú ý:

- Người thực hiện TGPL phải có thái độ đúng mực, cởi mở, thân thiện, tôn trọng, cảm thông và tạo được sự tin cậy đối với đối tượng được TGPL khi tiếp xúc với họ;

- Người thực hiện TGPL phải ổn định tâm lý cho đối tượng được TGPL, tuyệt đối không gây kích động hoặc đánh giá, phán xét về đối tượng. Ngay cả khi gặp tình huống đối tượng có lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng hoặc là người có hành vi bạo lực gia đình. Bởi lẽ, tính chất của các vụ, việc về hôn nhân và gia đình là liên quan đến cuộc sống riêng tư và gia đình nên đối tượng thường e ngại, đặc biệt là khi nói về những mâu thuẫn, xung đột gia đình và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, cũng như những biểu hiện không đẹp của hành vi;

- Người thực hiện TGPL phải kiên trì, gợi ý khéo léo để đối tượng được TGPL trình bày theo diễn biến thời gian, để họ không sa vào kể lể dài dòng hoặc đưa ra các tình tiết không cần thiết. Bởi lẽ, những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thường phát sinh từ mâu thuẫn gia đình kéo dài hoặc có những bước ngoặt nào đó.

- Khi giao tiếp với đối tượng thuộc nhóm yếu thế cần chú ý đến đặc điểm tâm lý của họ là thường có tâm lý tự ti, mặc cảm, sống khép kín, ngại giao tiếp, không biết diễn đạt những suy nghĩ của bản thân, ít thể hiện cảm xúc ra bên ngoài. Khi gặp vấn đề khó giải quyết thường có suy nghĩ tiêu cực. Do đó, người thực hiện TGPL cần lưu ý một số kỹ năng sau: Chủ động, khích lệ đối tượng để họ trình bày vấn đề mà họ đang vướng mắc cũng như nguyện vọng của họ với những câu hỏi đơn giản; nếu đối tượng được TGPL là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, nạn nhân của bạo lực gia đình… có khó khăn trong giao tiếp thì cần yêu cầu người đại diện của họ, nhân viên xã hội, nhà tâm lý hoặc phiên dịch hỗ trợ cho đối tượng.

#### 4.2. Kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi

*Mục tiêu:*

- Hình thành kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi với đối tượng được TGPL về những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập các kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi trong những tình huống cụ thể;

- Nâng cao kỹ năng lắng nghe và đặt câu hỏi để đảm bảo hiệu quả khi TGPL về các yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Người thực hiện TGPL cần tập trung lắng nghe, kết hợp hỏi và ghi chép để có thể hiểu rõ các tình tiết vụ việc, từ đó đánh giá thực chất mối quan hệ gia đình của đối tượng, tìm ra được các vấn đề cần hỏi thêm, các tài liệu cần bổ sung.

- Người thực hiện TGPL cần cân nhắc các dạng câu hỏi được sử dụng đối với từng đối tượng được TGPL. Câu hỏi đơn giản mà đối tượng có thể trả lời có hay không và câu hỏi để đối tượng trình bày diễn biến vụ việc, cung cấp thông tin. Câu hỏi đưa ra phải có sự gắn kết với các sự việc mà đối tượng đang trình bày để từ đó người thực hiện TGPL nắm bắt được nội dung, bản chất pháp lý của vụ, việc mà đối tượng yêu cầu được TGPL.

- Khi đặt câu hỏi, người thực hiện TGPL không được áp đặt ý kiến chủ quan của mình với đối tượng, dù là đặt câu hỏi nhưng phải thể hiện sự thân thiện, không làm khó đối tượng.

- Người thực hiện TGPL không đặt câu hỏi liên quan đến những vấn đề nhạy cảm, tế nhị thuộc bí mật riêng tư của đối tượng và những người có liên quan.

- Do đặc điểm tâm lý của nhóm người yếu thế nên người thực hiện TGPL cần kiên trì, nhẫn nại khi họ đang trình bày vấn đề. Khi cần đặt câu hỏi, cần chọn đúng thời điểm và sử dụng ánh mắt, cử chỉ để đối tượng hiểu mà dừng lời.

- Người thực hiện TGPL nên đặt câu hỏi đơn giản, dễ trả lời để kiểm tra hoặc khẳng định lại những thông tin đối tượng cung cấp. Câu hỏi nên trực tiếp vào vấn đề mà người thực hiện TGPL cần làm rõ.

#### 4.3. Kỹ năng tư vấn pháp luật

*Mục tiêu:*

- Hình thành kỹ năng tư vấn pháp luật cho đối tượng được TGPL về những yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập các kỹ năng tư vấn pháp luật trong những tình huống cụ thể;

- Nâng cao kỹ năng tư vấn pháp luật để đảm bảo hiệu quả khi TGPL về các yêu cầu, tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Tư vấn pháp luật cho đối tượng là việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, cung cấp thông tin pháp lý, cung cấp địa chỉ cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ, việc.

- Các vụ việc về hôn nhân và gia đình là vấn đề rất riêng tư và nhạy cảm nên người thực hiện TGPL cần kết hợp với tư vấn về tâm lý, tình cảm, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán và xu thế thời đại với thái độ cảm thông, chia sẻ, từ đó phân tích sự việc trên cơ sở pháp luật, giúp đối tượng nhận thức rõ hướng ứng xử phù hợp.

- Để hoạt động tư vấn pháp luật đạt hiệu quả cao, người thực hiện TGPL cần nghiên cứu hồ sơ, lắng nghe trình bày, ghi chép đầy đủ nội dung, gợi ý và đặt thêm câu hỏi, yêu cầu đối tượng cung cấp thêm tài liệu, thông tin để làm rõ yêu cầu tư vấn và bản chất vụ việc.

- Cung cấp các văn bản pháp luật với các điều luật cụ thể để đối tượng có được kiến thức về các thông tin pháp lý liên quan, khẳng định với đối tượng những cơ sở pháp lý chắc chắn mà không phải theo cảm tính chủ quan, từ đó đưa ra các phương án, giải pháp, trả lời các câu hỏi của đối tượng, khiến họ tin tưởng và biết cách lựa chọn cách giải quyết vụ, việc phù hợp với pháp luật.

- Khi tư vấn pháp luật, người thực hiện TGPL có thể kết hợp với việc hòa giải mâu thuẫn, tránh phải đưa vụ việc ra Tòa án.

- Thông thường, đối với những vụ, việc về hôn nhân và gia đình đơn giản hoặc đối tượng chỉ yêu cầu cung cấp thông tin pháp luật thì người thực hiện TGPL có thể đưa ra ngay cách giải quyết hoặc cung cấp ngay các thông tin pháp luật. Đối với các vụ, việc phức tạp, có nhiều tình tiết, liên quan đến nhiều lĩnh vực mà người thực hiện TGPL chưa chắc chắn về hướng giải quyết thì có thể tham vấn chuyên gia trong lĩnh vực đó.

- Người thực hiện TGPL khi tư vấn phải tự tin, giải thích vấn đề phải dẫn chứng các quy định của pháp luật để tạo được sự tin tưởng của đối tượng. Đồng thời, người thực hiện TGPL phải có trách nhiệm, tận tụy, giải quyết vấn đề rốt ráo, coi việc của đối tượng được TGPL như việc của chính mình.

***-*** Trong quá trình tư vấn, nếu có vấn đề nào chưa rõ, người tư vấn có thể đề nghị đối tượng trình bày lại hoặc yêu cầu họ cung cấp thêm tài liệu để nắm được bản chất của vấn đề mà đối tượng yêu cầu tư vấn.

- Khi tư vấn pháp luật cho đối tượng thuộc nhóm người yếu thế, người thực hiện TGPL cần lưu ý: Phải nắm bắt được tâm lý của đối tượng được TGPL, phải đặt mình vào vị trí của họ để đồng cảm với họ, xoa dịu cảm xúc của họ, từ đó hướng dẫn, định hướng, đưa ra giải pháp để họ nhận thức được vấn đề đang tranh chấp hoặc đang vướng mắc cần tháo gỡ.

#### 4.4. Kỹ năng tham gia tố tụng dân sự

*Mục tiêu:*

- Hình thành kỹ năng tham gia tố tụng cho đối tượng được TGPL về hôn nhân và gia đình;

- Luyện tập kỹ năng giao tiếp trong tình huống cụ thể;

- Nâng cao kỹ năng giao tiếp để đảm bảo hiệu quả khi giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

*Nội dung:*

- Tiến hành tư vấn tiền tố tụng để nắm rõ bản chất vụ, việc;

- Nghiên cứu kỹ hồ sơ của đối tượng, đặc biệt chú ý đến lời khai của các đương sự (là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và lợi ích liên quan, người có hành vi bạo lực gia đình, người là nạn nhân của bạo lực gia đình…) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cần phát hiện những tình tiết quan trọng của vụ án, nắm được các điểm thống nhất hoặc khác biệt về chứng cứ, tài liệu mà các bên đưa ra để chứng minh. Ví dụ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà chứng minh tài sản chung của vợ chồng hoặc tài sản riêng của một bên; giấy xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh về thương tích của nạn nhân của bạo lực gia đình; chứng cứ về thiệt hại thể chất, tinh thần, tài sản…

- Đối với những vụ việc liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau (như đất đai, dân sự, thương mại, tài chính ngân hàng, hình sự…) mà người thực hiện TGPL thấy chưa đủ cơ sở để bảo vệ cho đối tượng tại Tòa án thì cần phải tiến hành điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, gặp gỡ, tiếp xúc với các cơ quan chức năng và những người có liên quan để tìm hiểu rõ bản chất vụ việc, yêu cầu bổ sung tài liệu, người làm chứng... Ví dụ: xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng liên quan đến Luật Đất đai; xác định và phân chia tài sản trong công ty liên quan đến Luật Doanh nghiệp; xác định tài sản được tặng cho hoặc được thừa kế là tài sản riêng hay chung của vợ chồng liên quan đến Bộ luật dân sự…

- Tại phiên tòa, khi tham gia phần hỏi các đương sự, Trợ giúp viên pháp lý cần đặt câu hỏi làm rõ những vấn đề cốt lõi để bảo vệ quyền và lợi ích của đối tượng đã được trình bày, khẳng định trong yêu cầu của đối tượng và tạo cơ sở để bảo vệ quyền lợi của đối tượng, của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật… Ví dụ: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khi nào, nguyên nhân mâu thuẫn? tài sản có nguồn gốc từ đâu? mỗi bên vợ chồng đóng góp công sức như thế nào trong việc tạo thu nhập cũng như công việc gia đình? bạo lực giữa các thành viên gia đình bắt nguồn từ đâu? tần xuất và mức độ nguy hiểm của hành vi bạo lực…

- Khi tham gia tranh luận tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý cần sử dụng thuật ngữ chính xác, dễ hiểu, trình bày vấn đề rõ ràng, mạch lạc, tránh dài dòng, kể lể, lặp đi lặp lại. Cần nhấn mạnh những điểm quan trọng, các căn cứ pháp lý để cơ quan tiến hành tố tụng hiểu rõ quan điểm của mình về bảo vệ quyền và lợi ích cho đối tượng.

- Phải tập trung để tiếp nhận thông tin mới được đưa ra tại phiên tòa một cách chính xác và có chọn lọc, nắm bắt được những thông tin quan trọng nhất phục vụ cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.

PHỤ LỤC 1

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRƯỚC TẬP HUẤN**

Tên khóa tập huấn: ........................................................................

Ngày, tháng, năm: ..................................................................................

**A. Anh/chị vui lòng điền đầy đủ thông tin theo các nội dung dưới đây. Đánh dấu X vào cột phù hợp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trước** **khóa** **tập huấn** **này,** **anh/chị:** | Có | Không | Khác |
| 1 | Có nắm được các quy định của pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 2 | Có nắm được các quy định của pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 3 | Có tham gia khóa học nào về trợ giúp pháp lý không? |  |  |  |
| 4 | Có tham gia khóa học nào về kỹ năng tư vấn pháp luật không? |  |  |  |
| 5 | Có tham gia khóa học nào về kỹ năng đại diện trong tố tụng dân sự không? |  |  |  |
| 6 | Đã từng tham gia trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình cho đối tượng được trợ giúp trong 12 tháng gần đây không? |  |  |  |

**B. Xin hãy cho biết ý kiến của anh/chị về các nhận định sau. Đánh dấu X vào cột phù hợp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | Đúng | Sai | Khác |
| 1 | Trong gia đình, người chồng có nghĩa vụ kiếm tiền và có quyền quyết định mọi vấn đề của gia đình. |  |  |  |
| 2 | Khi vợ yêu cầu ly hôn thì phải có sự đồng ý của người chồng Tòa án mới giải quyết. |  |  |  |
| 3 | Khi tiếp xúc với đối tượng được trợ giúp pháp lý, Trợ giúp viên pháp lý phải đặt nhiều câu hỏi để hiểu rõ vấn đề của họ. |  |  |  |
| 4 | Trợ giúp viên pháp lý có thể đại diện cho đối tượng được trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền lợi cho họ tại Tòa án. |  |  |  |
| 5 | Trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, ngoài kiến thức về pháp luật, Trợ giúp viên pháp lý phải có kiến thức về tâm lý và kinh nghiệm sống. |  |  |  |
| 6 | Trợ giúp viên pháp lý phải kiên nhẫn và tôn trọng đối tượng được trợ giúp pháp lý. |  |  |  |

**C. Mong đợi của anh/chị ở khóa tập huấn này?**

…………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………….

Cảm ơn chia sẻ của anh/chị!

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KHẢO SÁT SAU TẬP HUẤN**

Tên khóa tập huấn:...................................................................

Ngày, tháng, năm: ..................................................................................

1. **Anh/chị vui lòng điền đầy đủ thông tin theo các nội dung dưới đây. Đánh dấu X vào cột phù hợp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Sau khóa học này, anh/chị:** | Có | Không | Khác |
| 1 | Nắm vững quy định của pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 2 | Nắm vững quy định của pháp luật quốc tế về hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 3 | Có nắm được những loại vụ, việc về hôn nhân và gia đình mà đối tượng được trợ giúp pháp lý thường yêu cầu trợ giúp không? |  |  |  |
| 4 | Có nắm được những cơ quan có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 5 | Có tự tin sẽ thực hiện tốt vai trò của Trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện tư vấn cho đối tượng được trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình không? |  |  |  |
| 6 | Có tự tin khi đại diện cho đối tượng được trợ giúp pháp lý tại Tòa án không? |  |  |  |

1. **Xin hãy cho biết ý kiến của anh/chị về các nhận định sau. Đánh dấu X vào cột phù hợp**.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | Đúng | Sai | Khác |
| 1 | Khoá học này thực sự bổ ích cho các trợ giúp viên pháp lý. |  |  |  |
| 2 | Nội dung của khoá học phù hợp với mục tiêu của khoá học. |  |  |  |
| 3 | Tài liệu của khoá học rõ ràng, cô đọng, dễ hiểu, bổ ích. |  |  |  |
| 4 | Nên tập huấn cho tất cả đội ngũ trợ giúp viên pháp lý tại các trung tâm trợ giúp pháp lý trong cả nước. |  |  |  |

**C. Anh/chị có góp ý gì về nội dung, chương trình, phương pháp của khóa tập huấn này?**

…………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………….

Cảm ơn chia sẻ của anh/chị!

**PHỤ LỤC 2**

**MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG LĨNH VỰC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**Tình huống 1**

Ông T và bà H kết hôn với nhau được hơn 20 năm, có 2 người con chung, con trai 18 tuổi, con gái 15 tuổi. Ông T có sự phân biệt đối xử giữa con trai và con gái. Ông nói với vợ là con gái thì chỉ cần học hết cấp 2 là được nên khi con gái muốn vào học cấp 3 ông không đồng ý, bắt con nghỉ học tìm việc làm, cùng cha mẹ kiếm tiền cho con trai đi học đại học. Bà H không đồng ý và nói với ông con gái, con trai đều đối xử như nhau, thì ông lại đánh chửi bà và con gái. Gần đây ông T thường xuyên đánh chửi bà và còn dọa nếu không nghe lời thì ông sẽ ly hôn. Bà H rất hoang mang, lo cho tương lai của con gái, thương mình và thương con. Bà muốn biết pháp luật có quy định gì về quyền của con gái bà.

**Tình huống 2**

Chị P và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tháng 7/2018 tại phường A, thành phố Đ. Tháng 12/2018 chị P sinh cháu V. Khi cháu V được 6 tháng tuổi, do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên chị P đã về nhà cha mẹ đẻ sống và để cháu V cho anh N nuôi dưỡng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, anh N gặp chị P đề xuất việc ly hôn và chị P đồng ý. Tuy nhiên, anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con và chia tài sản chung.

Về con chung: Chị P đề nghị được nuôi cháu V, anh N không đồng ý.

Về tài sản: Sau khi kết hôn anh chị được cha mẹ chồng cắt cho mảnh đất diện tích 100m2, anh chị làm nhà cấp 4 rộng 40m2 trên mảnh đất đó. Hiện giá trị quyền sử dụng đất khoảng 2,6 tỷ đồng. Anh N cho rằng nhà và đất là của cha mẹ anh, anh và chị P không có phần trong đó. Chị P lại cho rằng nhà và đất đó là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị được chia 1/2. Do có những bất đồng nên chị P yêu cầu được TGPL.

**Tình huống 3**

Chị N và anh V thuận tình ly hôn. Anh chị có một con chung là cháu M hiện được 24 tháng tuổi. Chị N muốn được nuôi con nhưng anh V cũng muốn nuôi cháu M vì cho rằng anh V và gia đình bên nội có điều kiện kinh tế hơn sẽ đảm bảo cho cháu cuộc sống tốt nhất. Chị N quyết giành quyền nuôi con nên đã yêu cầu được TGPL. Chị N muốn biết pháp luật quy định về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con khi cha mẹ ly hôn như thế nào?

**Tình huống 4**

Chị K là người dân tộc Dao, 20 tuổi trình bày: “Vợ chồng tôi lấy nhau được gần 1 năm, có đăng ký tại xã X. Hiện tại tôi đang mang thai được 3 tháng. Vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, chồng tôi ngoại tình và đòi ly hôn, tôi đồng ý ký đơn ly hôn và đã gửi đơn ra toà. Chồng tôi bắt tôi phải phá thai và nói nếu tôi cố tình đẻ thì tự nuôi. Tôi làm nương rẫy, thu nhập không nhiều nhưng cũng đủ sống, tôi quyết định giữ con. Tôi muốn hỏi, khi tôi sinh con mà không muốn con tôi có liên quan gì với chồng tôi, không cần chồng có trách nhiệm, không khai anh ấy là cha có được không và nếu tôi muốn con mang họ của tôi thì phải làm như thế nào?

**Tình huống** **5**

“Tôi và chồng được gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống từ cuối năm 2018 khi chúng tôi cùng 19 tuổi. Tháng 3 năm 2019, do chồng tôi lêu lổng không chịu làm ăn, khi tôi khuyên bảo thì lại đánh tôi nên tôi đã về nhà mẹ đẻ. Tháng 5 năm 2019, tôi sinh con trai đặt tên là M, làm giấy khai sinh không có tên cha. Từ khi tôi sinh con, anh ấy thường xuyên đến chăm sóc mẹ con tôi, tỏ ra hối hận về những việc trước đây và muốn đón mẹ con tôi về chung sống. Đầu năm 2021 tôi đã mang con về nhà chồng. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào tháng 6 năm 2021. Từ khi tôi trở về, anh ấy cũng đã tu chí làm ăn, hàng tháng có mang tiền về để tôi chăm lo cho gia đình. Hiện tôi đang mang thai đứa con thứ hai được 6 tháng. Gần đây tôi phát hiện anh ấy sử dụng ma túy. Tôi rất lo lắng, hoang mang, thất vọng và đau khổ, không muốn chung sống với anh ấy nữa. Nay tôi muốn ly hôn nhưng chồng tôi không đồng ý thì có được không? Anh ấy bảo nếu tôi bỏ đi thì anh ấy sẽ bắt đứa con đầu của tôi là M. Liệu anh ấy có làm như thế được không? Còn quyền lợi đứa con thứ hai sau này tôi sinh ra thì như thế nào?”.

**Tình huống 6**

Chị Nguyễn Thị H là đối tượng được trợ giúp pháp lý trình bày về câu chuyện của mình và xin được trợ giúp pháp lý.

“Chị và anh Q đăng ký kết hôn năm 2015. Trước khi kết hôn, anh Q được cha mẹ tặng cho ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 1000m2. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại ngôi nhà đó. Vợ chồng anh chị đều có việc làm và thu nhập ổn định. Do căn nhà đã xuống cấp, năm 2020, vợ chồng đã xây lại ngôi nhà với tổng chi phí 900.000.000 đồng. Trong đó, anh chị có 500.000.000 đồng là tiền dành dụm được, còn lại 400.000.000 đồng anh chị vay của bạn bè. Khoản nợ này anh chị đã trả được 300.000.000 đồng, nay chỉ còn 100.000.000 đồng.

Gần 7 năm chung sống, anh chị có 2 con chung, con gái lớn 5 tuổi, bé trai sau 13 tháng tuổi. Do bất đồng trong sinh hoạt và mâu thuẫn trong việc chăm sóc, giáo dục con, anh và chị đều mong muốn được ly hôn. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc chia tài sản và nuôi con. Về tài sản, anh Q cho rằng ngôi nhà vợ chồng đang ở là nhà cha mẹ anh tặng cho anh từ trước khi kết hôn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên anh, do đó ngôi nhà hoàn toàn thuộc quyền của anh, chị H không có quyền lợi và nghĩa vụ gì cả. Ngay cả khoản nợ hiện còn 100.000.000 đồng vay để làm nhà thì anh Q cũng nhận trả.

Về con chung, anh Q yêu cầu được nuôi bé trai 13 tháng tuổi với lý do con trai phải theo cha. Chị H không đồng ý và muốn được nuôi cả hai con, anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con. Chị không muốn chị em chúng bị chia rẽ. Hơn nữa, các con còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên chị không muốn giao con cho anh Q nuôi”.

**3. Tài liệu tham khảo**

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Hộ tịch năm 2014;

- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;

- Luật Trẻ em năm 2016;

- Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;

- Luật Bình đẳng giới năm 2006;

- Luật người khuyết tật năm 2010;

- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

- Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền (1948);

- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966);

- Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (1979);

- Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và việc đăng ký kết hôn (1962);

- Công ước quốc tế về quyền trẻ em (1989);

- Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế;

- Công ước về quyền của người khuyết tật (2007).

1. Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 16 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (1948), khoản 2 Điều 23 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 3 Điều 16 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (1948), khoản 1 Điều 23 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2 Điều 16 Điều 16 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (1948), Điều 1 Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và đăng ký kết hôn (1962), khoản 3 Điều 23 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 2 Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và đăng ký kết hôn (1962); [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 3 Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và đăng ký kết hôn (1962; [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 4 Điều 23 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); [↑](#footnote-ref-7)
8. Điều 24 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966); [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 9 Công ước quốc tế về quyền trẻ em (1989); [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 23 Công ước về quyền của người khuyết tật (2007); [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 [↑](#footnote-ref-11)
12. Xem khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 [↑](#footnote-ref-13)
14. Xem Điều 8, Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014. [↑](#footnote-ref-14)
15. Xem từ Điều 17 đến Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; [↑](#footnote-ref-15)
16. Xem từ Điều 68 đến Điều 79 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; [↑](#footnote-ref-16)
17. Xem Điều 8 và Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 3 Nghị định 02/2013/NĐ-CP ngày 03/02/2013 của Chính phủ quy định về công tác gia đình [↑](#footnote-ref-19)
20. Xem Điều 28, Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; [↑](#footnote-ref-20)
21. Xem Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; [↑](#footnote-ref-21)
22. Khoản 2, Điều 32 Luật TGPL năm 2017 [↑](#footnote-ref-22)